

Chương 2

CHÙA MỘT CỘT

Chùa Một Cột có tên ban đầu là Liên Hoa Đài (蓮花臺), tức “Đài Hoa Sen” nằm ở quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, tại khu vực có nhiều công trình trọng điểm quốc gia như Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Quảng trường Ba Đình, Nhà Quốc hội.

Quyên đến Chùa Một Cột lần này là lần thứ ba sau buổi gặp thầy hướng dẫn. Những dòng ghi chú về di tích trên bảng hiệu tại chùa và bài viết trên các trang web về chùa dường như Quyên thuộc lòng. Hiện cô đang tìm kiếm thêm tài liệu chuyên môn để nghiên cứu sâu hơn về nó.

Sau khi tìm chỗ để xe, Tuấn Anh ngồi trên một ghế đá, ngắm chùa và ngắm Quyên đang trầm ngâm đứng tại sân chùa. Tuấn Anh nghĩ thầm: Đáng Quyên thật đẹp trên nền chùa. Nhưng làm thế nào để hiểu và thật sự có được Quyên thật không hề đơn giản.

Quyên đến, đưa một tập tài liệu cho Tuấn Anh và nói:

- Anh đọc cái này cho đỡ buồn chán, em đi ngắm xung quanh một chút.

*

* *

Tuấn Anh giờ tài liệu về lịch sử ngôi chùa ra đọc.

Theo truyền thuyết, Chùa Một Cột được vua Lý Thái Tông (Hoàng đế thứ 2 triều Lý, trị vì từ năm 1028 - 1054), cho khởi công xây dựng vào khoảng năm 1045 - 1049, liên quan đến giấc chiêm bao của vua. Trong giấc mơ, vua thấy Phật Bà Quan Âm ngồi trên tòa sen và dắt vua lên tòa. Khi tỉnh dậy, vua đem việc ấy nói với bầy tôi, được cho là điềm lành. Có nhà sư Thiên Tuệ

khuyên vua làm chùa, dựng cột đá ở giữa hồ, bên trên làm tòa sen thờ Phật như thấy trong mộng. Lại cho các nhà sư đi vòng xung quanh tụng kinh, cầu phúc lành. Vua Lý Thái Tông thường đến cầu nguyện. Khi sinh được hoàng tử nối dõi, vua cho dựng thêm bên cạnh một ngôi chùa mang tên Diên Hựu (延祐寺), có nghĩa là ngôi chùa "*Phúc lành dài lâu*", để mở rộng việc thờ cúng, làm sáng tỏ sự tôn sùng.

Có truyền thuyết lại cho rằng, Liên Hoa đài có từ trước, thời Lý Công Uẩn hay Lý Thái Tổ (Hoàng đế sáng lập triều Lý, trị vì năm 1009 - 1028), khởi dựng theo ý tưởng chùa Nhất Trụ tại cố đô Hoa Lư, Ninh Bình với cột kinh Phật bằng đá. Tại đây, cột kinh Phật trở thành trụ đỡ điện thờ phía trên. Vua Lý Thái Tông sau khi đến chùa cầu nguyện, được hoàng tử nối dõi, mới xây dựng thêm chùa Diên Hựu bên cạnh.

Năm 1105, vua Lý Nhân Tông (Hoàng đế thứ 4 triều Lý, trị vì từ năm 1072 - 1128), cho tôn tạo lại quần thể chùa, tu sửa hồ sen Linh Chiêu, có nghĩa "*Ao thiêng*". Trong vườn có ngôi nước với cầu vòng bắc qua. Hai đầu cầu có hai tòa bảo tháp, được lợp bằng ngói lưu ly.

Những năm sau này, quần thể chùa được tu bổ nhiều lần, song không thể so sánh với vẻ lộng lẫy của Chùa Một Cột thời Lý.

Ngày 11/9/1954, quân Viễn chinh Pháp trước khi rút khỏi Hà Nội đã cho đặt mìn phá Chùa Một Cột. Báo ngày đó còn đưa tin: "*... Chùa Một Cột di tích liệt hạng của Hà Thành đã sụp đổ sau một tiếng nổ long trời lở đất...*".

Đến bây giờ người ta cũng chưa lý giải thấu đáo: Tại sao Pháp lại cho người phá Chùa Một Cột sau khi thua trận Điện Biên Phủ và chiến tranh đã kết thúc? Tại sao lại phá một ngôi chùa quy mô nhỏ, trong khi Hà Nội có vô số các ngôi chùa lớn cùng xây dựng dưới thời Lý? Trước khi rút khỏi Việt Nam, họ đã phá ngôi chùa cổ này vì thù hận hay để tìm kiếm điều gì mà trước đây chưa rõ? Và họ đã tìm thấy được gì?

Một điều đặc biệt nữa. Ngay sau đó, năm 1955, Chùa Một Cột đã được xây dựng lại, với sự đảm nhiệm của kiến trúc sư Nguyễn Bá Lăng (quê quán tại huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, sinh năm 1920, mất năm 2005, chuyên nghiên cứu và thiết kế kiến trúc truyền thống Việt Nam). Ngày 10/10/1954, chỉ một tháng sau khi Chùa Một Cột bị phá hủy, bộ đội Việt Minh tiến vào giải phóng Thủ đô. Theo sử sách, Bộ Văn hóa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã mời kiến trúc sư Bá Lăng tham gia phục dựng lại Chùa Một Cột. Song lại có người cho rằng, trong bối cảnh ngổn ngang của việc sắp xếp chính thể mới thay thế chính thể cũ, chính quyền Hà Nội không có đủ thời gian và nguồn lực để làm việc này. Việc dựng lại Chùa Một Cột không phải lấy chỗ để tôn sùng, Hà Nội vẫn còn rất nhiều chùa. Vậy thực sự ai đã đứng ra tổ chức làm việc tốt đẹp này, họ làm thế hướng tới mục đích gì và họ là ai? Điều này cho đến nay vẫn luôn là bí ẩn.

Chùa Một Cột phục dựng năm 1955, nhỏ hơn so với Chùa Một Cột xưa, có lẽ chỉ giữ lại hình dáng và bố cục.

Chùa Một Cột là một đài thờ nằm trên một cột đá ở giữa hồ Linh Chiểu. Hồ nhỏ, có mặt bằng hình vuông, mỗi cạnh rộng 16 m, được bao bọc bởi hàng lan can làm bằng những viên gạch sành trắng men xanh. Trên mặt ao thả sen.

Cột đỡ chùa cao 4 m, không kể phần chìm dưới đất, đường kính 1,2 m. Cột bằng đá gồm hai khúc chồng lên nhau thành một khối.

Phần trên của cột là hệ thống 8 đòn gỗ làm giá đỡ cho đài Liên Hoa ở trên. Đài Liên Hoa có mặt bằng hình vuông, mỗi chiều rộng 3 m, làm bằng gỗ. Mặt tiền để ngỏ, ba phía còn lại bằng ván bung kín. Xung quanh đài có một hàng hiên hẹp với lan can gỗ. Chùa lợp mái ngói với bốn góc mái uốn cong, theo kiểu “*Kiến trúc hướng về bầu trời*”, phía trên tạc hình “*Lưỡng long châu nguyệt*”.

Trong chùa, tượng Phật Bà Quan Âm ngồi trên đài sen bằng gỗ sơn son thiếp vàng, đặt ở vị trí cao nhất. Phía trên tượng Phật là bức hoành Phi “*Liên Hoa Đài*”. Chùa có độc nhất một lối nhỏ dẫn vào chính điện bằng cầu thang với mười bậc, lát gạch chỉ. Hai bên thang có lan can xây gạch.

Trục chính của Chùa Một Cột nằm theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, quay mặt về hướng Tây nam, lệch theo hướng Bắc - Nam một khoảng 23,44 độ. Với cách xếp đặt này, vào ngày Hạ chí, giữa hè, ngày 21 đến 22 tháng 6 dương lịch và kết thúc vào ngày 7 tháng 7, là thời gian ban ngày dài nhất trong năm, mặt trời sẽ đi vuông góc qua trục chính của chùa.

Tiết Hạ chí theo lịch Trung Quốc cổ đại - tiết khí khởi đầu từ điểm giữa của mùa hè, là một trong hai mươi tư tiết khí trong nông lịch. Nó được sử dụng trong việc lập lịch của các nền văn minh phương Đông cổ đại như Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên để đồng bộ hóa các mùa.

Có một số người cho rằng Chùa Một Cột gợi nhớ đến hoa sen, là loại hoa tượng trưng cho vẻ đẹp cao quý và thanh tao, biểu tượng của trí tuệ, gắn với mặt hồ nước hình vuông, tượng trưng cho âm; cột hình tròn, tượng trưng cho dương.

Có một số người lại cho rằng, Chùa Một Cột không chỉ có hình thức kiến trúc độc đáo, biểu tượng bậc cao mà còn gắn với tính thần bí, hiếm ngôi chùa nào của vùng Đồng bằng Bắc bộ có được. Chùa Một Cột gợi tới Di sản văn hóa Thế giới Vòng tròn đá Stonehenge tại Wiltshire, Anh (cũng lệch so với trục Bắc nam một góc 23,44 độ), là công trình có ảnh hưởng không ngừng đối với kiến trúc sư, nhà khảo cổ, nghệ sĩ, nhà sử học và hiệp hội tâm linh.

Tuấn Anh dừng đọc, bỏ tập tài liệu xuống và nhìn lại phía chùa. Phía sau chùa có một vị khách nước ngoài, đã đứng dưới một bóng cây tới gần nửa tiếng và nhìn chăm chăm xuống

lòng hồ Linh Chiếu. Vị khách đi tới chỗ Tuấn Anh, nói bằng tiếng Việt:

- Chào. Tôi có thể ngồi đây được không?

- Dạ, được ạ. Tuấn Anh đáp và bất đắc dĩ ngồi dịch lại vào một phía đầu ghế.

Vị khách ngồi xuống đầu ghế kia và lấy trong cái túi to tương đeo bên mình một tập tài liệu để đọc. Tuấn Anh liếc qua và thấy tập tài liệu có những hình ảnh về Chùa Một Cột với những dòng chữ nước ngoài trên đó. Không phải tiếng Anh. Đúng là tiếng Pháp rồi. Tuấn Anh tự nhủ.

Trời hôm nay, chiều muộn mà còn vẫn nóng. Vị khách người nước ngoài ngồi cạnh có vẻ cũng cảm thấy nóng và vén bốt tay áo. Tuấn Anh lại liếc nhìn qua và dừng lại. Mặt trong cổ tay trái của vị khách có một hình chạm trổ, là một vòng tròn, giữa có hình chữ X lồng với một chữ P kéo dài theo chiều đứng.

Ngồi một lúc, vị khách xem đồng hồ và đứng dậy:

- Chào.

- Xin chào, Tuấn Anh đáp lại.

*

* *

Quyên sang bên cạnh thăm chùa Diên Hựu nằm kề liền.

Trên bảng chỉ dẫn ghi rõ: Chùa Diên Hựu xưa được dựng vào mùa đông năm 1049, thời vua Lý Thái Tông và hoàn thiện vào năm 1105, thời vua Lý Nhân Tông.

Chùa được sửa chữa nâng cấp nhiều lần, hiện chỉ còn là một ngôi chùa nhỏ, mang phong cách kiến trúc thời Hậu Lê (tồn tại năm 1428 - 1789). Tam quan của Chùa mới được xây dựng lại vào thời Nguyễn (tồn tại năm 1802 - 1945).

Chùa có một báu vật là chuông Quy Điền.

Năm 1080, vua Lý Nhân Tông, theo lời nguyện của vua Lý Thái Tổ, cho đúc một chiếc chuông lớn đặt tại chùa Diên Hựu. Chuông có tên Giác Thế Chung, nghĩa là “*Chuông thức tỉnh người đời*”. Chuông sử dụng đến 12 ngàn cân đồng, tương đương với 7,3 tấn đồng bây giờ.

Chuông chùa thường có hai dạng: Chuông treo trong tháp gọi là tháp chuông và chuông đặt trên mặt đất trong một tòa nhà gọi là tòa chuông. Chuông chùa Diên Hựu to nên đặt trên mặt đất, trong tòa chuông, tại rìa chùa. Rùa ngoài ruộng thường bò vào trú bên trong. Nên dân gian gọi đây là chuông Quy Điền.

Chuông Quy Điền còn liên quan đến sự tích Hồ Tây. Hồ Tây trước đây có các tên gọi khác như Đầm Xác Cáo, Lãng Bạc, Dâm Đàm, Đoài Hồ và Kim Ngưu. Đây là một hồ nước tự nhiên lớn nhất ở nội thành Hà Nội, nằm ở quận Tây Hồ, có diện tích hơn 500 ha với chu vi khoảng 14,8 km. Hồ Tây là một đoạn của sông Hồng xưa, hình thành trong quá trình ngưng đọng khi sông đổi dòng.

Tên hồ Kim Ngưu được đặt theo truyền thuyết hồ Trâu Vàng, liên quan đến Đại khí Chuông Quy Điền.

Theo truyền thuyết, Việt Nam có “*Tứ Đại khí*”, là bốn bảo khí bằng đồng của nhà Phật: Tháp Báo Thiên (tăng trên cùng bằng đồng) được dựng vào năm 1057, thời vua Lý Thánh Tông (trị vì năm 1054 - 1072), đặt tại chùa Báo Thiên, Hoàn Kiếm, Hà Nội; Chuông Quy Điền, được dựng vào năm 1080, thời vua Lý Nhân Tông (trị vì năm 1072 - 1128), đặt tại Chùa Một Cột, Ba Đình, Hà Nội; Tượng Phật Quỳnh Lâm, được dựng vào thời vua Lý Thần Tông (trị vì năm 1128 - 1138), đặt tại chùa Quỳnh Lâm, Đông Triều, Quảng Ninh. Vạc Phổ Minh được đúc vào năm 1262 bởi Thượng hoàng Trần Thái Tông (nhà Trần, trị vì năm 1226 - 1258), đặt tại chùa Phổ Minh, Túc Mạc, Nam Định.

Chuông Quy Điền đặt tại tòa chuông của chùa Diên Hựu, cạnh Chùa Một Cột. Chuông đặt xong, vua nhà Lý sai đánh một hồi chuông dài để báo hiệu cho dân chúng biết tin vui nước nhà thái bình thịnh trị và thức tỉnh mọi người làm nhiều điều tốt đẹp hơn cho dân, cho nước.

Tiếng chuông ngân đến tận kinh đô bên Tàu. Người ta thường nói: "*Đồng đen là mẹ của vàng*". Nghe tiếng chuông, con trâu bằng vàng to lớn nằm trước kho tiền đồng bên Tàu tự dưng bừng tỉnh, ngõ tiếng mẹ gọi, liền vươn mình phóng xuống phương Nam, tìm đến quả chuông đồng khổng lồ. Trâu vàng quần quanh mãi mà vẫn không thấy, khiến cho cả một vùng đất lớn gần quả chuông sụt xuống thành một hố sâu. Quả chuông sau một hồi cũng trôi dần xuống hố. Trâu vàng cũng theo đó nhảy xuống và nằm bên cạnh. Chẳng bao lâu sau, vùng đất bị trâu vàng dẫm sụt, nước tràn đầy trải rộng thành một hồ nước mênh mông. Từ đó, quả chuông cứ nằm mãi dưới lòng hồ, không ai vớt lên nổi và trâu vàng cũng nằm mãi bên cạnh quả chuông dưới đáy nước mà không quay về phương Bắc. Do vậy, người ta đặt tên cho hồ là Kim Ngưu, nghĩa là "*Hồ Trâu Vàng*".

Tiếng chuông ngân vang, không chỉ vàng bạc, châu báu mà cả hiền tài thiên hạ theo đó đổ về. Kinh đô Thăng Long ngày trở nên thịnh vượng.

Người Tàu cho người sang Đại Việt tìm kiếm chuông Quy Điền và Trâu Vàng, tìm nhiều lần, song không được.

Vào đầu thế kỷ XV, nhà Minh - Trung Quốc sang xâm lược Việt Nam. Một trong những việc đầu tiên sau khi chiếm đóng nước Việt là người Tàu quyết tìm phá Tứ đại khí, đặc biệt là chuông Quy Điền và đưa Trâu Vàng quay về.

Nhiều người cho rằng, Tứ đại khí đã bị quân Tàu thu được, cho đúc làm hỏa khí và họ buồn rầu, thất vọng về số phận hẩm hiu của "*An Nam Tứ đại khí*".

Song lại có truyền thuyết khác cho rằng, người Đại Việt không đến nỗi thụ động để kẻ thù hung ác đến cướp lấy báu vật của họ. Một điều đơn giản, vì người Việt đã quen tính cách của người Tàu hàng ngàn năm nay rồi.

Truyền thuyết này còn kể vui rằng: Người Tàu cho binh lính đắp bờ, tát cạn cả hồ Kim Ngưu, song vẫn không thấy Trâu Vàng. Trong dân gian còn truyền tụng câu:

*"Trâu vàng ẩn mãi giữa hồ,
Nước dù cạn vẫn mịt mù tăm hơi".*

Cũng vào thời gian này, xảy ra một trận đại hồng thủy, nước sông Hồng tràn vào hồ Tây và cuốn cả chuông Quy Điền ra sông, trôi về phía Nam. Chuông dạt vào bãi sông thôn Nhân Dục, phường Hiến Nam, Hưng Yên. Dân làng cho là Trời, Phật mách bảo, bèn góp công của dựng chùa, xây tòa đặt chuông, gọi là Kim Chung Tự - "*Chùa Chuông Vàng*".

Khi chuông chùa ngân lên, không chỉ vàng bạc, châu báu mà cả hiền tài của thiên hạ theo đó đổ về Phố Hiến. Phố Hiến trở thành vùng đất lành và ngày càng thịnh vượng. Dân gian có câu:

*"Thứ nhất Kinh Kỳ,
Thứ nhì Phố Hiến".*

Tương tự như chuyện trâu vàng Hồ Tây, một đàn trâu vàng từ phương Bắc nghe chuông tìm về đây, khi tiếng chuông dứt, đành lặn xuống đoạn sông, mà sau đó người ta gọi là Ngưu Giang, nghĩa là "*Sông Trâu*", tên làng được gọi là Đa Ngưu, nghĩa là "*Ngôi làng có dáng trâu nằm*" và ngôi đình nổi tiếng của làng có tên là đình Đa Ngưu.

Người Tàu biết, lại cử người tìm đến. Người dân nơi đây mang chuông giấu kỹ. Từ khi Chuông thần không ngân vang, tiền của không đổ về, hiền tài không hội tụ. Phố Hiến dần suy tàn.

*

* *

Chùa Diên Hựu nhỏ, lại đã đến thấp hương vài lần, nên Quyên quay lại khu vực Chùa Một Cột và ngồi xuống cạnh Tuấn Anh. Cô đắm chìm vào suy nghĩ và nói nhỏ dường như chỉ đủ cho mình nghe:

- Tất cả chỉ là truyền thuyết, khó mà kiểm tra bằng thực chứng hay bằng luận cứ khoa học.

- Anh cũng nghĩ vậy.

- Tại sao những điều đó lại có sức sống mãnh liệt, lan truyền từ đời này sang đời khác? Ai đã nghĩ, tạo ra và ai đã thổi sức sống vào nó?

- Nhưng chắc chắn phải có người và tổ chức nào đó dày công làm việc này.

Quyên nhìn ra phía Chùa Một Cột, những người dân đến thăm chùa đều giữ một thái độ yên lặng và tôn kính, kể cả các em nhỏ đi cùng. Một nơi tĩnh lặng và linh thiêng trong lòng một trung tâm thành phố ngày càng chật chội, ồn ào và đua chen.

Tuấn Anh nói:

- Anh vừa đọc trong tài liệu em đưa, có nói đến chuyện trục bố cục chính của Chùa Một Cột lệch so với hướng Bắc - Nam một khoảng 23,44 độ gắn liền với Tiết Hạ chí.

Quyên bổ sung:

- Trong khi đó trục bố cục chính của Chùa Diên Hựu lại theo đúng hướng Bắc - Nam. Mặc dù xây dựng cùng thời, cạnh nhau, song lại không thống nhất trong cách bố trí. Đây là minh chứng thuyết phục cho việc hai chùa này không phải là một. Chùa Một Cột không phải là một đài thờ của chùa Diên Hựu, như một số chuyên gia khẳng định.

- Đúng như vậy. Tuấn Anh phụ họa.

Chợt như có một luồng sáng khai mở ra trong đầu, Quyên dự đoán:

- Ngoài việc thờ tự, hai ngôi chùa này còn được các vị vua cho tạo dựng để truyền tải về hai thông điệp khác nhau:

+ Chùa Một Cột gắn với Tiết Hạ Chí, điểm Mốc số 0 của nông lịch và sản xuất nông nghiệp vùng Đồng bằng Bắc Bộ, tương tự như việc đồng bộ về khoảng cách, thường lấy bưu điện làm Mốc số 0 thời hiện đại. Như vậy, Chùa Một Cột được định hướng là biểu tượng tạo ra của cải từ người Việt; trong hướng ra.

+ Chùa Diên Hựu gắn với chuông Quy Điền, chuông rung và vàng đổ về. Như vậy, chùa Diên Hựu được định hướng là biểu tượng thu hút của cải từ thiên hạ; ngoài hướng vào.

- Có thể là như vậy. Cả hai chùa đều gắn liền với của cải. Tuấn Anh nói theo.

- Điều này có vẻ như một chân lý hiển nhiên, cho thấy những người tổ chức xây dựng quần thể chùa này đều có một nền tảng kiến thức phức tạp, không chỉ về nghi lễ mà còn có một hiểu biết sâu rộng về thiên văn và tính thần bí.

Quyên hướng về phía Tuấn Anh và nói tiếp:

- Em chưa thật rõ mối quan hệ đặc biệt gì giữa vua Lý Công Uẩn và Chùa Một Cột. Song nếu thầy đã nhấn mạnh, thì chắc có lý của thầy.

Đến bây giờ ta có thể tạm kết luận về mối quan hệ giữa quần thể kiến trúc Chùa Một Cột và vua Lý Công Uẩn cùng các vị vua kế tiếp:

Thứ nhất, đây là nơi được hình thành liên quan đến việc khởi dựng theo một quần thể công trình quan trọng cốt lõi đã có từ trước, là chùa Nhất Trụ, tại cố đô Hoa Lư. Kinh đô Thăng Long mới nhất thiết phải có loại công trình này.

Thứ hai, đây là nơi được dựng liên quan đến tính mạng nhà vua, sau một giấc mơ được cho là điềm không may mắn hoặc liên quan đến nơi vua cầu nguyện và sinh được người nối dõi. Một địa điểm tiên tri về phúc lành dài lâu cho tổ tiên, giống nòi.

Thứ ba, đây là nơi được dựng liên quan đến biểu tượng thần bí của việc tạo ra và thu hút của cải trong thiên hạ. Một loại kiến trúc kho báu mới cho một giai đoạn mới của quốc gia - giai đoạn độc lập và phát triển.

Ngập ngừng một chút, Quyên hỏi:

- Quần thể kiến trúc Chùa Một Cột có đủ tính phức tạp, thần bí và tiên tri. Anh có cho rằng kiến trúc sư làm được điều này không?

- Anh không tiếp xúc với giới kiến trúc sư nhiều lắm, ngoại trừ em. Giới chuyên môn thường có kiến thức hẹp theo chuyên ngành, cũng như trong lĩnh vực kinh tế của anh vậy. Kiến trúc sư khó mà làm được điều mang tính tổng hợp gắn với tính thần bí và tính tiên tri về phúc lành dài lâu.

- Vậy ai đặt ra những yêu cầu xây dựng này? Đó chỉ có thể là các vị vua, thiền sư, chí sĩ và mở rộng ra gồm cả kiến trúc sư.

- Đúng như vậy. Tuấn Anh có vẻ thấu hiểu và gật gù.

Quyên ngồi im lặng và lại theo đuổi tiếp suy nghĩ của mình.

Tuấn Anh chợt nhớ ra điều gì, lấy bút và vẽ lên mặt sau của một card visit, đưa cho Quyên và hỏi:

- Em có biết đây là cái gì không?

- Có biết. Đây là biểu tượng được gọi là Chi-Rho Christogram, gồm chữ X và chữ P lồng vào nhau, có nghĩa là Chúa Kitô, lấy từ hai chữ đầu theo tiếng Hy Lạp. Biểu tượng này rất nổi tiếng, bắt nguồn từ thế kỷ thứ IV sau Công nguyên, gắn với Cơ đốc giáo và tổ chức quân sự của Đế chế La Mã. Anh hỏi cái này làm gì?

- Có vẻ cái gì em cũng biết vậy.

- Tình cờ thôi. Em soạn giáo án về các di sản văn hóa thế giới do UNESCO công nhận. Vào thời kỳ Đế chế La Mã, người ta hay dùng biểu tượng này để trang trí cổng ra vào.

- Lúc ngồi chờ em, anh thấy một vị khách nước ngoài quan tâm đặc biệt đến Chùa Một Cột. Du khách thường dừng tại đây khoảng 10 - 15 phút. Vậy mà, vị này đứng quan sát Chùa Một Cột đến gần 30 phút. Biểu tượng anh vừa hỏi là hình xăm trên tay vị khách này.

Chúng ta về thôi.